SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 477/QĐ-TTYT

Tân Lạc, ngày 07 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua thuốc Generic phục vụ công tác chữa bệnh năm 2026-2027

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 của Quốc Hội ngày 21 tháng 06 năm 2017;

Căn cứ Luật Dược số 105/2026/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Sửa đổi, bổ sung tại Luật số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2026 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 474 ngày 06/10/2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán, danh mục, số lượng, tiêu chí kỹ thuật, dạng bào chế gói thầu: Mua thuốc Generic phục vụ công tác chữa bệnh năm 2026-2027;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ Mua sắm tại Tờ trình số 248/TTr-TTYT ngày 07/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu:Mua thuốc Generic phục vụ công tác chữa bệnh năm 2026-2027,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua thuốc Generic phục vụ công tác chữa bệnh năm 2026-2027 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế toán, khoa Dược -Vật tư, thiết bị y tế và các bộ phận có liên quan tiến hành tổ chức, thực hiện các bước theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, phòng TCHC&TCKT, khoa Dược - Vật tư, TBYT, TMS.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

Trần Quốc Mạnh

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU:
MUA THUỐC GENERIC PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHỮA BỆNH NĂM 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số:477/QĐ-TTYT ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc)

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc	Mua thuốc Generic phục vụ công tác chữa bệnh năm 2026-2027	Mua thuốc Generic phục vụ công tác chữa bệnh năm 2026-2027	1.793.005.400	Nguồn thu sự nghiệp	Chào giá trực tuyến rút gọn		Quý IV năm 2026	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Không đề xuất

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC THUỐC, THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số: 477/QĐ-TTYT ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Clorpromazin	4	25mg/2ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	50	2.100	105.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
2	Clorpromazin	4	25mg	Uống	Viên	Viên	10.000	150	1.500.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
3	Clorpromazin	2	25mg	Uống	Viên	Viên	40.000	210	8.400.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
4	Ephedrin	1	30mg/1ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	600	57.750	34.650.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
5	Ephedrin	1	30mg/10ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	200	87.150	17.430.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
6	Glibenclamid + metformin	3	5mg+ 500mg	Uống	Viên	Viên	60.000	2.225	133.500.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
7	Glibenclamid + metformin	3	2,5mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	30.000	1.428	42.840.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
8	Glibenclamid + metformin	4	2,5mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	30.000	1.721	51.630.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
9	Gliclazid + metformin	3	80mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	30.000	3.900	117.000.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
10	Gliclazid + metformin	5	80mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	30.000	3.350	100.500.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
11	Glimepirid + metformin	2	1mg + 500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	50.000	2.600	130.000.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
12	Glimepirid + metformin	2	2 mg + 500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	50.000	3.000	150.000.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
13	Metformin	3	1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	50.000	1.200	60.000.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
14	Metformin	2	500mg	Uống	Viên	Viên	250.000	742	185.500.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
15	Metformin	2	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	200.000	1.050	210.000.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
16	Methyl prednisolon	2	40mg	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ/ống/gói/túi	6.000	29.000	174.000.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
17	Morphin	4	10mg/1ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	7.500	8.925	66.937.500	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
18	Nicardipin	1	10mg/10ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	100	124.999	12.499.900	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
19	Nicardipin	4	25mg/10ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	200	180.000	36.000.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
20	Nicardipin	4	10mg/50ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	100	79.900	7.990.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
21	Salbutamol + ipratropium	5	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống/gói/túi	2.000	12.300	24.600.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
22	Salbutamol sulfat	4	5mg/5ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	50	99.000	4.950.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
23	Salbutamol sulfat	1	5mg/5ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	50	115.000	5.750.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN LẠC

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
24	Salbutamol sulfat	1	100mcg/liều xịt	Đường hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình	400	114.450	45.780.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
25	Salbutamol sulfat	4	0,5mg/ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000	1.980	1.980.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
26	Salbutamol sulfat	1	0,5mg/ 1ml (0,05%)	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	100	14.900	1.490.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
27	Salbutamol sulfat	4	2,5mg/2,5ml	khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống/gói/túi	8.000	4.410	35.280.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
28	Salbutamol sulfat	1	2,5mg/2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống/gói/túi	5.000	7.480	37.400.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
29	Salbutamol sulfat	4	5mg/2,5ml	khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống/gói/túi	3.000	8.400	25.200.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
30	Salbutamol sulfat	2	100mcg/liều	Đường hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình	100	62.000	6.200.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
31	Salbutamol sulfat	1	5mg/2,5ml	khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống/gói/túi	3.000	11.781	35.343.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
32	Salmeterol + fluticason propionat	2	25mcg + 250mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình xịt	100	164.000	16.400.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
33	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	2	(30g; 2,315g; 3,01g; 0,15g; 0,15g)/500ml	Tiêm\Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/gói/túi	100	117.000	11.700.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
34	Trihexyphenidyl hydroclorid	2	2 mg	Uống	Viên	Viên	1.500	300	450.000	"Tên hoạt chất " và "Nồng độ, hàm lượng " được hiểu là: cùng hoạt chất gốc nhưng có thể ở dạng base hoặc có gốc muối khác nhau hoặc dạng đồng phân khác nhau hoặc ngậm phân tử nước khác nhau, kèm theo nồng độ, hàm lượng tương ứng và không có sự khác biệt về chỉ định điều trị.
	Tổng cộng: 34 khoản								**1.793.005.400**	